TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/DS-ST
Ngày: 18-8-2023
V/v "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng đặt cọc gia công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Hoa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Ông **Trần Văn Bé Hai**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Trọng Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng đặt cọc gia công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Thanh D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Lâm Thanh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(Anh D, chị T có mặt, anh N, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Văn D1 trình bày:

Ngày 07/9/2022 anh D1 và anh N có thoả thuận ký hợp đồng gia công đóng phà. Anh D1 thuê anh N đóng 01 chiếc phà sắt có kích thước: chiều ngang phà 4,3m, chiều dài phà 12,5m, chiều cao mũi phà 1,6m, chiều cao lái phà 1,1m, khoảng cách công và đà của phà là 04 tấc. Tổng chi phí nguyên vật liệu, nhân công đóng phà và nhân công lắp máy là 298.000.000 đồng, anh D1 sẽ mua máy và chân vịt giao cho anh N để lắp đặt trên phà. Hẹn 30 ngày sau sẽ giao phà cho anh D1.

Ngày ký hợp đồng anh D1 có đưa trước cho anh N 150.000.000 đồng. Sau đó anh N liên hệ anh D1 nói thiếu kinh phí cho thợ nên kêu anh D1 đưa thêm tiền. Ngày 19/9/2022 anh D1 có chuyển khoản cho anh N số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 10/10/2022 anh D1 chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng, ngày 12/10/2022 anh D1 chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh D1 đã đưa trước cho anh N là 210.000.000 đồng.

Ngày 08/12/2022 anh D1 và chị T đến gặp anh N và mẹ anh N là bà M để nói chuyện. Anh N, bà M, anh D1, chị T thống nhất hủy hợp đồng gia công đóng phà. Bà M, anh N thừa nhận có nhận của anh D1 210.000.000 đồng và đồng ý trả lại cho anh D1 210.000.000 đồng và tiền mua máy, chân vịt là 42.500.000 đồng, tổng số tiền là 252.500.000 đồng hẹn đến ngày 13/12/2022 sẽ trả đủ, các bên thống nhất cùng ký tên. Nhưng đến nay thì anh N, bà M không thực hiện.

Anh Bùi Thanh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho anh D số tiền đặt cọc là 210.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, anh D có đơn yêu cầu bổ sung, anh D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy hợp đồng gia công đóng phà ngày 07/9/2022 giữa anh Bùi Thanh D với anh Nguyễn Thanh N.

- Buộc anh Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho anh D số tiền đặt cọc là 210.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với cái máy và chân vịt thì anh D đã nhận lại từ nhà của anh N nên không tranh chấp trong vụ kiện này.

Theo lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thanh T trình bày:

Chị T thống nhất với lời trình bày của anh D: Ngày 07/9/2022 thì anh D có ký hợp đồng gia công với anh Nguyễn Thanh N, thỏa thuận anh N sẽ đóng 01 phà sắt với giá 298.000.000 đồng, anh D đã đặt cọc trước là 210.000.000 đồng. Tuy nhiên anh N vi phạm thỏa thuận nên ngày 08/12/2022 thì anh D, chị T, anh N, bà M thống nhất thỏa thuận hủy hợp đồng gia công ngày 07/9/2022. Theo đó anh N, bà M đồng ý cho cho anh D, chị T số tiền đặt cọc trước là 210.000.000 đồng và tiền mua máy, chân vịt là 42.500.000 đồng, hẹn đến này 13/12/2022 sẽ trả đủ, nhưng anh N cứ hẹn nhiều lần vẫn không thực hiện. Số tiền mà anh D đã đặt cọc cho anh N là tiền chung của vợ chồng (anh D, chị T). Nay chị T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh D. Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì thêm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Tài liệu chứng cứ do đại diện nguyên đơn giao nộp:

- 01 Văn bản thoả thuận đề ngày 08/12/2022, được viết tay bằng mực bút bi màu xanh trên giấy tập học sinh (Bản chính).

- 01 Hợp đồng gia công đóng phà đề ngày 07/9/2022 (Bản chính).

Tòa án đã thông báo cho bị đơn là Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh N biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện anh Bùi Văn D1 về việc yêu cầu hủy hợp đồng gia công và yêu cầu anh Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị M liên đới trả tiền cọc gia công đóng phà với số tiền là 210.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng đặt cọc gia công" theo quy định tại Điều 328, 547 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng gia công giữa các đương sự (giữa cá nhân với cá nhân với nhau) là quan hệ pháp luật dân sự không phải là kinh doanh thương mại nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ

tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên (210.000.000 đồng) thì không tranh chấp số tiền nào khác và số tiền này chỉ liên quan đến đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

[4.1] Anh Bùi Thanh D khởi kiện anh Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho anh D số tiền cọc là 210.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa anh D có yêu cầu bổ sung: yêu cầu hủy hợp đồng gia công đóng phà ngày 07/9/2022 và yêu cầu anh Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho anh D số tiền cọc đóng phà là 210.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc nguyên đơn có yêu cầu bổ sung tuyên bố vô hiệu (hủy) hợp đồng 07/9/2022 và việc Tòa án thụ lý bổ sung yêu cầu của đương sự cũng không ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, người liên quan và yêu cầu bổ sung nằm trong giới hạn của yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung yêu cầu của nguyên đơn.

[4.2]. Về yêu cầu hủy hợp đồng gia công đóng phà ngày 07/9/2022, xét thấy:

Vào ngày 07/9/2022 giữa anh Bùi Văn D1 với anh Nguyễn Thanh N có lập tờ "Hợp đồng gia công đóng phà" thỏa thuận anh N sẽ đóng 01 chiếc phà sắt có kích thước: chiều ngang phà 4,3m, chiều dài phà 12,5m, chiều cao mũi phà 1,6m, chiều cao lái phà 1,1m, khoảng cách công và đà của phà là 04 tấc. Giá nguyên liệu, nhân công đóng phà và lắp máy là 298.000.000 đồng, hẹn 30 ngày sẽ giao phà. Anh D1 đã giao trước cho anh N số tiền là 150.000.000 đồng. Sau đó anh N liên hệ anh D1 nói thiếu kinh phí cho thợ nên kêu anh D1 đưa thêm, anh D1 đã chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của anh N tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Tổng số tiền mà anh D1 đã nhận của anh N là 210.000.000 đồng. Việc anh N ký vào hợp đồng gia công đóng phà là tự nguyện, không bị ép buộc (đe dọa, cưỡng ép).

Do đó, xác định việc các bên có lập hợp đồng đặt cọc gia công đóng phà là có thật. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của

pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện.

Tuy nhiên anh N vi phạm thỏa thuận nên ngày 08/12/2022 thì anh D1, chị T, anh N, bà M thống nhất thỏa thuận hủy hợp đồng gia công ngày 07/9/2022 bằng "văn bản thỏa thuận". Tại phiên tòa nguyên đơn và người liên quan thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng gia công đóng phà ngày 07/9/2022 là vô hiệu (hủy). Do đó, Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận giao dịch gia công đóng phà ngày 07/9/2022 (hợp đồng vô hiệu).

[4.2]. Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu anh Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho anh D1 số tiền cọc đóng phà là 210.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, xét thấy:

Theo nội dung trong hợp đồng ngày 07/9/2022 cũng như lời khai của nguyên đơn thì xác định anh N đã nhận đủ số tiền cọc 210.000.000 đồng của anh D1 để thực hiện việc gia công đóng phà. Tuy nhiên sau khi nhận tiền đặt cọc thì anh N không thực hiện việc đóng phà như thỏa thuận và cũng không nêu rõ lý do của việc không thực hiện được. Như vậy lỗi làm cho hợp đồng không thực hiện được là do lỗi anh N.

Đến ngày 08/12/2022 do anh N không thực hiện được việc gia công nên anh N, bà M, anh D1, chị T có lập văn bản thỏa thuận hẹn đến ngày 13/12/2022 anh N và bà M sẽ trả cho anh D1, chị T 252.500.000 đồng (gồm: 210.000.000 đồng tiền giao trước và 42.500.000 đồng tiền mua máy và chân vịt). Việc anh N, bà M không giao phà cho anh D1, chị T đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng nên anh D1 yêu cầu anh N, bà M liên đới trả lại số tiền đặt cọc gia công đóng phà là 210.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Xét thấy, trong vụ án này anh D1 không có yêu cầu anh N và bà M trả lại tài sản là cái máy và chân vịt, trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí:

- Anh Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị M phải liên đới chịu 10.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Bùi Thanh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.250.000 đồng theo các biên lai thu số 000691 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 117, 122, 328, 542, 547, 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thanh D.

- Giao dịch dân sự ngày 07/9/2022 giữa anh Nguyễn Thanh N và anh Bùi Văn D1 là vô hiệu (hủy).

- Buộc anh Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho anh Bùi Thanh D số tiền là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị M phải liên đới chịu 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Bùi Thanh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 000691 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tỉnh;
- VKSND HCL
- CC THADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Võ Thị Kim Hoa